TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 586/2026/DS-ST
Ngày: 20/4/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Hưng.

Bà Trần Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1321/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2026/QĐXXST-DS ngày 03/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2026/QĐST-DS ngày 26/3/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: C N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Hồ Khánh T, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 5 D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 20/10/2022, ông Nguyễn Thanh S có cho bà Huỳnh Hồ Khánh T vay số tiền là 110.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 01/3/2024. Tuy nhiên, suốt quá trình vay, bà T không trả khoản tiền gốc và lãi nào cho ông S.

Nay, ông S yêu cầu bà T phải trả lại số tiền gốc là 110.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Huỳnh Hồ Khánh T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2026, bà Huỳnh Hồ Khánh T xác nhận có vay của ông Nguyễn Thanh S số tiền là 110.000.000 đồng nhưng hiện nay, bà T cũng như chồng bà T và gia đình bà đều không có việc làm nên bà T xin được trả một lần số tiền 110.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm và bà sẽ trả lãi theo quy định của nhà nước trong 03 năm này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thanh S khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Hồ Khánh T phải trả tiền đã vay của ông S. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Huỳnh Hồ Khánh T đang thực tế cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 (hai) nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Xét, hồ sơ vụ án ông S có cung cấp cho Tòa án 01 bản chính giấy mượn tiền đề ngày 20/10/2022 thể hiện nội dung bà T có mượn của ông S số tiền là 110.000.000 đồng; bà T cam kết sẽ trả tiền cho ông S vào ngày 01/3/2024. Giấy mượn tiền có đầy đủ thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, số

căn cước công dân, địa chỉ của người vay tiền và người cho vay; có chữ ký của người vay tiền. Trong giấy vay tiền các bên không có thỏa thuận về lãi suất.

Tại điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".*

Tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…".*

Bà Huỳnh Hồ Khánh T xác nhận có vay tiền của ông S nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin được trả một lần số tiền 110.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm; đồng thời trong 03 năm này bà sẽ trả lãi cho ông S theo lãi suất của Nhà nước quy định. Như vậy có đủ cơ sở xác nhận ông S có đưa cho bà T số tiền là 110.000.000 đồng và đến thời điểm hiện tại bà T vẫn chưa thanh toán khoản tiền gốc nào cho ông S. Việc bà T xin trả số tiền còn nợ trong thời hạn 03 năm sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông S bởi bà vay tiền của ông S cũng quá hạn hơn 02 năm mà bà vẫn chưa trả khoản tiền gốc nào. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S về việc buộc bà T phải trả lại số tiền đã vay nêu trên cho ông S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 464, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S.

1.1. Buộc bị đơn bà Huỳnh Hồ Khánh T phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho ông Nguyễn Thanh S số tiền còn nợ là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, bà Huỳnh Hồ Khánh T chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh S số tiền tạm ứng án phí là 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai số 0045097 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7, Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Ký